

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 2350/BDTTG-VPQGDTMN ngày 19/10/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ;

UBND tỉnh ban hành kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 (sau đây viết tắt là Nghị định 272/2025/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định danh sách các thôn, xã, tỉnh thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân định xã, thôn theo trình độ phát triển theo tiêu chí quy định tại Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ. Từ đó trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm căn cứ thực hiện các chính sách đối với địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

2. Việc rà soát, xác định xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân định các xã khu vực I, II, III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, với trách nhiệm cao của cấp ủy, chính quyền và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị ở địa phương. Thực hiện theo đúng tiêu chí, đúng trình tự, thủ tục; đảm bảo chính xác, khách quan, khoa học và đúng thời gian quy định.

3. Các cấp, các ngành, địa phương tổ chức thực hiện phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị định 272/2025/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân với các hình thức phù hợp.

4. UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai cung cấp số liệu, tài liệu kiểm chứng và tổng hợp số liệu.

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỊA BÀN, NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH, THỜI ĐIỂM LẤY SỐ LIỆU

1. Đối tượng, địa bàn

- Triển khai phân định trên địa bàn 99 xã, phường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ đó xác định được các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Nguyên tắc xác định, phân định

- Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng thực tiễn,

phù hợp đặc thù từng vùng, miền, địa phương.

- Dựa trên số liệu chính thức, được cập nhật theo thời điểm quy định, có cơ sở pháp lý rõ ràng và được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

- Xác định, phân định theo nguyên tắc kết hợp cả tỷ lệ tương đối và giá trị tuyệt đối, gắn với điều kiện địa lý tự nhiên, hạ tầng, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ xác định, phân định lại khi có sự thay đổi địa giới của thôn, xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo đảm nguyên tắc kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện xác định, phân định.

3. Thời điểm lấy số liệu rà soát: Tính tại thời điểm 31/12/2024.

II. TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH

1. Tiêu chí phân định địa bàn

1.1. Tiêu chí xác định thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Nghị định 272/2025/NĐ-CP

1.2. Tiêu chí xác định thôn, xã, tỉnh miền núi

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 5 Nghị định 272/2025/NĐ-CP

1.3. Xác định thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 6 Nghị định 272/2025/NĐ-CP

2. Tiêu chí phân định địa bàn thôn, xã theo trình độ phát triển

2.1. Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn

a) Đối tượng phân định thôn đặc biệt khó khăn (viết tắt là ĐBK): các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tiêu chí phân định: Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Điều 7 Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

2.2. Phân định xã theo trình độ phát triển

a) Đối tượng phân định theo trình độ phát triển là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tiêu chí phân định theo trình độ phát triển: Thực hiện theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

c) Phân định xã theo trình độ phát triển (xã khu vực I, khu vực II, khu vực III):

- Xã khu vực I (xã đang phát triển) là xã đáp ứng dưới 03 tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP;

- Xã khu vực II (xã khó khăn) là xã có từ 03 đến 05 tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP;

- Xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) là xã có một trong hai trường hợp sau: Có từ 06 tiêu chí trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP; hoặc có từ 03 tiêu chí trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP và đồng thời có từ 50% số thôn trở lên của xã được phân định là thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Điều 7 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

III. QUY TRÌNH, HỒ SƠ XÁC ĐỊNH THÔN, XÃ, TỈNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN; XÃ KHU VỰC I, II, III.

1. Đối với cấp xã

1.1. Quy trình thực hiện

a) Căn cứ các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP để xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III;

b) Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo).

c) Thời gian hoàn thành: Xong trước ngày **03/12/2025**

1.2. Hồ sơ cấp xã gửi cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo)

02 bộ, 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

a) Các biểu xác định về mức độ đạt hoặc không đạt của các tiêu chí quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP (Mẫu số 01, 02, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Nghị định 272/2025/NĐ-CP);

b) Báo cáo tự đánh giá của thôn, xã về mức độ đạt hoặc không đạt các tiêu chí quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP (*Theo mẫu báo cáo gửi kèm kế hoạch*).

c) Quyết định phê duyệt hộ nghèo, cận nghèo của xã.

d) Tài liệu minh chứng của thôn, xã có liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP (ví dụ: danh sách hộ chưa có hợp đồng mua bán điện...).

2. Đối với cấp tỉnh

2.1. Quy trình thực hiện

a) Bước 1: Thành lập hội đồng thẩm định kết quả xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III trên địa bàn, thời gian thực hiện xong trước ngày 15/11/2025;

b) Bước 2: Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 272/2025/NĐ-CP, Hội đồng thẩm định xét duyệt xác định thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh, thời gian xong trước ngày 15/12/2025;

c) Bước 3: Sau khi có kết quả xác định, phân định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn, thời gian xong trước ngày 20/12/2025;

Bước 4: Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong trước ngày 25/12/2025

2.2. Hồ sơ cấp tỉnh gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo

01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

a) Báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định, phân định các thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu

vực I, II, III (Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Quyết định phê duyệt kết quả xác định tỷ lệ nghèo đa chiều của cấp có thẩm quyền đối với các xã, thôn;

c) Số liệu về dân số và số liệu, tài liệu của thôn, xã có liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP;

d) Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền về kết quả xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III;

đ) Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III (Mẫu số 06, 07 ban hành kèm theo Nghị định này);

e) Báo cáo đánh giá, xác định tỉnh là tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Phổ biến, quán triệt nội dung, ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh đến các đơn vị, địa phương liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp hồ sơ cấp xã gửi cấp tỉnh; tham mưu họp hội đồng thẩm định kết quả của cấp xã và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.

- Tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện bộ hồ sơ cấp tỉnh gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh

- Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp số liệu, tài liệu liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Nghị định 272/2025/NĐ-CP liên quan đến phạm vi quản lý của ngành phục vụ công tác rà soát, thẩm định.

- Phối hợp tham gia kiểm tra hiện trạng xác định các tiêu chí phân định do cấp xã đề nghị làm căn cứ thẩm định hồ sơ và phê duyệt kết quả.

3. Sở Tài chính

Cân đối, bố trí kinh phí cho Sở Dân tộc và Tôn giáo để triển khai thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

4. UBND các xã, phường

- Phổ biến, quán triệt nội dung Quyết định số 272/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến các đơn vị, địa phương liên quan; thành lập bộ phận tham mưu giúp việc để chỉ đạo công tác rà soát đối với các xã, thôn.

- Tổ chức thực hiện việc rà soát, xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III đảm bảo đúng

yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Đối với các xã, phường sau khi rà soát, xác định theo các tiêu chí không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và niềm núi yêu cầu xây dựng báo cáo và hoàn thiện biểu mẫu báo cáo số 01 và số 02 theo Nghị định 272/2025/NĐ-CP.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu liên quan và kết quả xác định, phân định trên địa bàn

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, UBND cấp xã/phường phản ánh kịp thời về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: DT&TG, CT, XD, Y tế, GD&ĐT, NN&MT, VHTT&DL, KH&CN, TC;
- Thống kê tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh;
- + LĐVP, KGVX;
- + Lưu: VT.

**TM. UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn